

BẢNG GIÁ ĐÁ
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số
của Hội đồng nhân

STT	TÊN ĐƯỜNG	ĐOẠN ĐƯỜNG	
		TỪ	ĐẾN
(1)	(2)	(3)	(4)
1	BẾN NGHÉ	TRỌN ĐƯỜNG	
2	BÙI VĂN BA	TRỌN ĐƯỜNG	
3	CÁC ĐƯỜNG TRONG CƯ XÁ NGÂN HÀNG		
4	CÁC ĐƯỜNG CÒN LẠI TRONG CƯ XÁ TÂN QUY ĐÔNG		
5	VÕ THỊ NHỜ	HUỲNH TẤN PHÁT	ĐƯỜNG SỐ 2 KHU DÂN CƯ NAM LONG
6	ĐƯỜNG 17 (PHƯỜNG TÂN THUẬN TÂY)	TÂN MỸ	LÂM VĂN BỀN
7	ĐƯỜNG CẦU TÂN THUẬN 2	TRẦN XUÂN SOẠN	NGUYỄN VĂN LINH
8	NGUYỄN THỊ XIẾU	TRẦN XUÂN SOẠN	ĐƯỜNG CẦU TÂN THUẬN 2
9	ĐƯỜNG NỘI BỘ TRONG KHU DÂN CƯ CỦA CẢNG BẾN NGHÉ		
10	ĐƯỜNG NỘI BỘ TRONG KHU DÂN CƯ CỦA CÔNG TY MÍA ĐƯỜNG		

11	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ NAM LONG (PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG)		
	ĐƯỜNG TRỤC CHÍNH	TRỌN ĐƯỜNG	
	ĐƯỜNG NHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG	
12	HUỖNH TẤN PHÁT	TRẦN XUÂN SOẠN	NGUYỄN THỊ THẬP
13	LƯU TRỌNG LƯ	HUỖNH TẤN PHÁT	KHO 18
14	LÝ PHỤC MAN	TRỌN ĐƯỜNG	
15	NGUYỄN THỊ THẬP	HUỖNH TẤN PHÁT	LÂM VĂN BỀN
16	NGUYỄN VĂN LINH	HUỖNH TẤN PHÁT	NGUYỄN THỊ THẬP
17	NGUYỄN VĂN QUỲ	TRỌN ĐƯỜNG	
18	TÂN MỸ	TRẦN XUÂN SOẠN	ĐƯỜNG 17
19	TÂN THUẬN TÂY	TRỌN ĐƯỜNG	
20	TRẦN TRỌNG CUNG	HUỖNH TẤN PHÁT	NGUYỄN VĂN QUỲ
21	TRẦN VĂN KHÁNH	TRỌN ĐƯỜNG	
22	TRẦN XUÂN SOẠN	TRẠM BIÊN PHÒNG (C13 CỬ)	LÂM VĂN BỀN
23	NGÔ THỊ NHẬN	TÂN MỸ	NGUYỄN THỊ XIỂU
24	LIÊN CẢNG A 5	BẾN NGHÉ	CUỐI ĐƯỜNG
25	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ TÂN THUẬN TÂY (BỒ SUNG MỚI)		
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI >=16M	TRỌN ĐƯỜNG	
	ĐƯỜNG NỘI BỘ LỘ GIỚI <16M	TRỌN ĐƯỜNG	
26	LÂM VĂN BỀN	TRỌN ĐƯỜNG	
27	ĐƯỜNG NỘI BỘ KHU DÂN CƯ JAMONA BÙI VĂN BA (PHƯỜNG TÂN THUẬN ĐÔNG CỬ)		

Phụ lục II

QUẬN PHƯỜNG TÂN THUẬN

*(Quyết định số 2025/NQ-HĐND ngày tháng năm 2025
của Hội đồng nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh)*

GIÁ ĐẤT	
ĐẤT Ở	ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(5)	(6)
32.400	19.400
54.700	32.800
69.400	41.600
69.400	41.600
50.400	30.200
75.800	45.500
60.800	36.500
57.200	34.300
60.800	36.500
60.800	36.500

72.900	43.700
64.800	38.900
102.900	61.700
56.700	34.000
68.900	41.300
145.800	87.500
113.400	68.000
68.900	41.300
81.000	48.600
64.800	38.900
72.900	43.700
60.900	36.500
81.000	48.600
56.700	34.000
32.400	19.400
72.900	43.700
64.800	38.900
92.000	55.200
58.700	35.200

Đơn vị tính: 1.000 đồng/m²

ĐẤT SẢN XUẤT KINH DOANH PHI NÔNG NGHIỆP KHÔNG PHẢI LÀ ĐẤT THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
(7)
16.200
27.400
34.700
34.700
25.200
37.900
30.400
28.600
30.400
30.400

36.500
32.400
51.500
28.400
34.500
72.900
56.700
34.500
40.500
32.400
36.500
30.500
40.500
28.400
16.200
36.500
32.400
46.000
29.400